

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TẠI HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Đỗ Việt Long^{1,+},
Trần Văn Hiếu²

¹Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

²Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

+Tác giả liên hệ • Email: longdo75@gmail.com

Article History

Received: 25/5/2020

Accepted: 12/6/2020

Published: 20/7/2020

Keywords

manage, foster, primary school teachers, innovation, general education.

ABSTRACT

Improving the quality of school teachers in general and teachers of primary schools in Krong Nang district, Dak Lak province in particular is an urgent requirement in the context of fundamental and comprehensive educational reform in current stage. This study was conducted on 250 managers and teachers of 19/27 primary schools in Krong Nang district, Dak Lak province, reflecting the current situation of the management of fostering activities for primary school teachers towards the orientation of reforming general education. The research results are an important practical basic for proposing management measures to improve the effectiveness of fostering activities for primary school teachers towards the orientation of reforming general education.

1. Mở đầu

Phát triển GD-ĐT là một trong những nội dung quan trọng trong đường lối lãnh đạo xây dựng và phát triển đất nước của Đảng ta. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã chỉ rõ: “*Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; trong đó đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên (GV) và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục là khâu then chốt*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Trong việc thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đội ngũ GV giữ vai trò quyết định. Luật Giáo dục (sửa đổi năm 2019) đã khẳng định: “*Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục*” (Quốc hội, 2019). Trong những năm qua, Đảng, Chính phủ và Bộ GD-ĐT đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định, đề án,... về công tác bồi dưỡng GV và CBQL giáo dục. Nhận thức được vai trò của GV và công tác bồi dưỡng giáo viên (BDGV), trong những năm qua, hoạt động BDGV nói chung và giáo viên tiểu học (GVTH) nói riêng ở huyện Krông Năng luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các cấp lãnh đạo Đảng và Chính quyền tỉnh Đắk Lắk cũng như huyện và Phòng GD-ĐT. Hoạt động bồi dưỡng GVTH ở huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, trước những yêu cầu của đổi mới nội dung, chương trình và sách giáo khoa phổ thông (Bộ GD-ĐT, 2018a), đội ngũ GV huyện Krông Năng nói chung và GV ở các trường tiểu học nói riêng còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Năng lực dạy học của một bộ phận GV chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, nhận thức của GV và CBQL về hoạt động bồi dưỡng còn hạn chế, ngại đổi mới. Vì vậy, việc vận dụng lý luận khoa học quản lý giáo dục để phân tích, đánh giá thực trạng về quản lý hoạt động bồi dưỡng GVTH, đề ra các biện pháp quản lý đồng bộ có tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo là một yêu cầu cấp thiết.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu vấn đề trên, chúng tôi sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp với phỏng vấn. Khách thể nghiên cứu là 250 CBQL, GV đến từ Phòng GD-ĐT và 19/27 trường tiểu học trên địa bàn huyện Krông Năng.

Chúng tôi sử dụng thang đo 4 bậc để đánh giá nhận thức của CBQL, GV về tính cần thiết của hoạt động bồi dưỡng GVTH theo 4 mức, mỗi mức được quy ước thành điểm như sau: 1 = Không cần thiết (KCT); 2 = Ít cần thiết (ICT); 3 = Cần thiết (CT); 4 = Rất cần thiết (RCT). Sử dụng thang đo 4 bậc để đánh giá hiệu quả thực hiện theo 4 mức, mỗi mức được quy ước thành điểm như sau: 1 = Không hiệu quả (KHQ); 2 = Ít hiệu quả (IHQ); 3 = Hiệu quả (HQ); 4 = Rất hiệu quả (RHQ). Sử dụng thang đo 4 bậc để đánh giá về kết quả đạt được theo 4 mức, quy ước thành điểm như sau: 1 = Chưa đạt (CĐ); 2 = Đạt (Đ); 3 = Khá (K); 4 = Tốt (T).

Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý kết quả khảo sát bằng các chỉ số tỉ lệ %, giá trị trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (SD).

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên tiểu học

Xây dựng kế hoạch là một trong các chức năng của công tác quản lí. Việc xây dựng kế hoạch có vai trò quan trọng quyết định hiệu quả của công việc. Thực trạng việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVTH được CBQL, GV đánh giá như sau:

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV về xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVTH

TT	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVTH	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Thống kê, kiểm tra, đánh giá năng lực sư phạm và phân loại GV, lựa chọn GV cốt cán	3,11	5	3,13	4
2	Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV	3,22	2	3,18	1
3	Họp liên tịch để thống nhất kế hoạch bồi dưỡng	3,11	5	3,12	5
4	Yêu cầu tổ trưởng chuyên môn, GV cốt cán lập kế hoạch bồi dưỡng phát triển phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho GV theo chuẩn nghề nghiệp và theo định hướng đổi mới giáo dục	3,16	3	3,15	3
5	Yêu cầu GV cốt cán lập kế hoạch hỗ trợ, tư vấn cho GV các vấn đề liên quan đến đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục cho học sinh; tham gia biên soạn tài liệu chuyên đề môn học, tài liệu hướng dẫn (cho GV, học sinh)	3,05	6	3,01	7
6	Yêu cầu GV lập kế hoạch tự bồi dưỡng đảm bảo đạt chuẩn nghề nghiệp và nâng hạng chức danh nghề nghiệp	3,13	4	3,07	6
7	Yêu cầu GV lập kế hoạch rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	3,26	1	3,17	2

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy:

- Các nội dung của việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng được đa số CBQL, GV đánh giá ở mức thường xuyên thực hiện và kết quả đạt khá. Trong đó nội dung “*Yêu cầu GV lập kế hoạch rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*” được đánh giá đạt mức ĐTB = 3,26 và kết quả thực hiện đạt ĐTB = 3,17. Kết quả khảo sát này phản ánh thực tế trong những năm gần đây, việc các cấp quản lí luôn chỉ đạo, đôn đốc GV phải lập kế hoạch tự bồi dưỡng, GV cũng đã nhận thức được yêu cầu đổi mới và có ý thức tự học, tự bồi dưỡng. Đây là điều kiện thuận lợi trong công tác bồi dưỡng GVTH tại huyện Krông Năng.

- Nội dung “*Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV*” được đánh giá thường xuyên về mức độ thực hiện với ĐTB = 3,22 và kết quả thực hiện đạt khá với ĐTB = 3,18. Đây là nội dung mà hiệu trưởng tất yếu phải thực hiện trong việc thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình vì chất lượng đội ngũ GV quyết định chất lượng giáo dục nhà trường.

- Nội dung “*Yêu cầu GV lập kế hoạch tự bồi dưỡng đảm bảo đạt chuẩn nghề nghiệp và nâng hạng chức danh nghề nghiệp*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên với ĐTB = 3,13 nhưng kết quả thực hiện khá thấp với ĐTB = 3,06. Điều này phản ánh đúng thực tế hiện nay ở huyện Krông Năng, phần lớn GV đã đăng kí và tham gia các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp. GV đã có chứng chỉ và các điều kiện về bằng cấp đào tạo đầy đủ theo tiêu chuẩn của việc thi nâng hạng. Tuy nhiên, hiện nay, tại địa phương chưa tổ chức đợt thi nâng hạng nào khiến GV ít hào hứng với nội dung bồi dưỡng này.

- Nội dung “*Thống kê, kiểm tra, đánh giá năng lực sư phạm và phân loại GV, lựa chọn GV cốt cán*” và “*Họp liên tịch để thống nhất kế hoạch bồi dưỡng*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên đạt ĐTB = 3,11 và hiệu quả thực hiện đạt khá với ĐTB lần lượt là 3,13 và 3,12. Đây là những nội dung trong quy trình ban hành kế hoạch BDGV. Tuy nhiên, thực tế một số hiệu trưởng khi xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chưa phân loại GV, xây dựng kế hoạch mà không họp liên tịch để bàn bạc, dẫn đến việc bồi dưỡng còn chung chung mang tính đối phó, chưa đáp ứng nhu cầu của GV, dẫn đến GV không hào hứng tham gia.

- Bên cạnh đó, nội dung “Yêu cầu GV cốt cán lập kế hoạch hỗ trợ, tư vấn cho GV các vấn đề liên quan đến đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục cho học sinh; tham gia biên soạn tài liệu chuyên đề môn học, tài liệu hướng dẫn (cho GV, học sinh)” được CBQL, GV đánh giá thấp nhất với điểm đánh giá việc thực hiện đạt ĐTB = 3,05 và hiệu quả thực hiện đạt ĐTB = 3,01. Đây là một yêu cầu mới đối với GV cốt cán hiện nay. Một số GV cốt cán cho biết, trước đây, họ chưa từng tham gia biên soạn tài liệu chuyên đề môn học, tài liệu hướng dẫn (cho GV, học sinh); họ chỉ tham gia làm báo cáo viên báo cáo lại nội dung đã được Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT tập huấn. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay, cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng các kỹ năng này cho GV cốt cán.

2.2.2. Thực trạng tổ chức, chỉ đạo công tác bồi dưỡng giáo viên tiểu học

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV về xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVTH

TT	Tổ chức, chỉ đạo công tác BDGV	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Tổ chức cho GV tham gia các lớp tập huấn chuyên môn của Bộ, Sở, Phòng GD-ĐT	3,35	1	3,33	1
2	Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 ở cấp tiểu học	3,18	5	3,14	5
3	Tổ chức cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng năng lực dạy học Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở cấp tiểu học	3,25	2	3,21	2
4	Phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong việc tổ chức các hoạt động chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề để giải quyết các nội dung khó của từng bài dạy trong khối, trong trường	3,22	3	3,18	4
5	Tổ chức các hoạt động chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề trong cụm trường	3,09	6	3,04	5
6	Tổ chức các hoạt động chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, trao đổi thông tin qua Internet, trên trang web “Trường học kết nối” của Bộ GD-ĐT	2,90	8	2,87	8
7	Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc cho GV	2,73	10	2,77	10
8	Tổ chức tập huấn sử dụng các đồ dùng dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học	2,99	7	3,01	6
9	Cung cấp tài liệu chuyên môn, tài liệu về Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 cho GV tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng	2,99	7	2,99	7
10	Hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng online theo các chương trình bồi dưỡng của Bộ GD-ĐT	2,81	9	2,83	9
11	Tạo điều kiện để GV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ	3,20	4	3,19	3

Bảng 2 cho thấy:

- Nội dung: “Tổ chức cho GV tham gia các lớp tập huấn chuyên môn của Bộ, Sở, Phòng GD-ĐT” được CBQL, GV đánh giá mức thường xuyên thực hiện (ĐTB = 3,35) và kết quả thực hiện khá tốt (ĐTB = 3,33). Điều này phản ánh một thực tế chung ở các địa phương cũng như tại huyện Krông Năng là Phòng GD-ĐT luôn quan tâm tổ chức cho CBQL, GV tham gia các lớp tập huấn chuyên môn của Bộ, Sở và Phòng GD-ĐT. Đây là hình thức BDGV phổ biến nhất hiện nay, cần tiếp tục tổ chức hình thức này trong BDGV.

- Nội dung: “Tổ chức cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng năng lực dạy học Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở cấp tiểu học” được CBQL, GV đánh giá việc thực hiện đạt mức độ thường xuyên (ĐTB = 3,25) và kết quả đạt khá (ĐTB = 3,21). Thực tế hiện nay, thực hiện Dự án Hỗ trợ đổi mới giáo dục phổ thông (RGEF), các CBQL, tổ trưởng chuyên môn, GV cốt cán đã được tập huấn bồi dưỡng năng lực dạy học Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp Bộ, cấp Sở và cấp Phòng. Để đảm bảo việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học đạt hiệu quả, trong thời gian tới, cần tiếp tục tổ chức cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng năng lực dạy học theo chương trình mới.

- Nội dung: “Phát huy vai trò của Tổ chuyên môn trong việc tổ chức các hoạt động chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề để giải quyết các nội dung khó của từng bài dạy trong khối, trong trường” và “Tạo điều kiện để GV học tập, bồi

dưỡng nâng cao trình độ” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,22 và 3,20) và hiệu quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,18 và 3,19). Điều này phản ánh đúng thực trạng các trường trong thời gian qua luôn quan tâm tới việc phát huy vai trò của tổ trưởng chuyên môn, tổ chức các chuyên đề, tạo điều kiện để GV bồi dưỡng nâng cao trình độ.

- Nội dung: “*Tổ chức hội nghị triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 ở cấp tiểu học*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,18) và hiệu quả thực hiện khá tốt (ĐTB = 3,14). Thực tế, thực hiện chỉ đạo của cấp trên, Phòng GD-ĐT đã tổ chức hội nghị triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 ở cấp tiểu học và đã chỉ đạo hiệu trưởng các trường tổ chức hội nghị tại trường.

- Các nội dung được đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên nhưng ở mức thấp là: *Cung cấp tài liệu chuyên môn, tài liệu về Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 cho GV tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng; Tổ chức các hoạt động chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, trao đổi thông tin qua Internet, trên trang web “Trường học kết nối” của Bộ GD-ĐT; Hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng online theo các chương trình bồi dưỡng của Bộ GD-ĐT; Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc cho GV* (ĐTB của 4 nội dung lần lượt là: 2,99; 2,90; 2,81 và 2,73); kết quả thực hiện đạt mức khá nhưng cũng trong nhóm thấp nhất với ĐTB lần lượt là 2,99; 2,87; 2,83; 2,77. Vì vậy, cần xây dựng kế hoạch BDGV các kĩ năng sinh hoạt chuyên môn trên Internet, kĩ năng tổ chức hoặc tham gia các lớp học trực tuyến, kĩ năng tiếng Anh, Tin học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2.2.3. Thực trạng kiểm tra, đánh giá công tác bồi dưỡng giáo viên tiểu học

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về kiểm tra, đánh giá công tác bồi dưỡng GVTH

TT	Kiểm tra, đánh giá công tác BDGV	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Đề ra các tiêu chuẩn đánh giá đội ngũ	3,14	4	3,12	5
2	Kiểm tra, đánh giá hoạt động sư phạm của nhà giáo	3,22	2	3,23	2
3	Kiểm tra việc hiểu biết về Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018	2,98	6	2,95	7
4	Kiểm tra hoạt động tự bồi dưỡng của GV thông qua các tiết dự giờ, thao giảng, sáng kiến kinh nghiệm	3,22	2	3,24	1
5	Kiểm tra, rà soát đội ngũ về số lượng, trình độ, cơ cấu để có những điều chỉnh phù hợp	3,25	1	3,23	2
6	Kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được qua các hội thi do Phòng, Sở GD-ĐT tổ chức	3,18	3	3,16	4
7	Kiểm tra, đánh giá các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động BDGV	3,09	5	3,11	6
8	Đánh giá GV theo các tiêu chuẩn của chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông	3,25	1	3,22	3

Kết quả thống kê ở bảng 3 cho thấy:

- Nội dung “*Kiểm tra, rà soát đội ngũ về số lượng, trình độ, cơ cấu để có những điều chỉnh phù hợp*” và “*Đánh giá GV theo các tiêu chuẩn của chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,25) và kết quả thực hiện được đánh giá đạt khá (ĐTB= 3,23 và 3,22). Thực tế tại huyện Krông Năng, hoạt động kiểm tra, rà soát chất lượng đội ngũ được hiệu trưởng thực hiện thường xuyên và thực hiện có hiệu quả khá tốt.

- Nội dung: “*Kiểm tra hoạt động tự bồi dưỡng của GV thông qua các tiết dự giờ, thao giảng, sáng kiến kinh nghiệm*” và “*Kiểm tra, đánh giá hoạt động sư phạm của nhà giáo*” được CBQL, GV đánh giá mức thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,22) và kết quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,24 và 3,23). Nội dung “*Kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được qua các hội thi do Phòng, Sở GD-ĐT tổ chức*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên với ĐTB = 3,18 và kết quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,16).

Một số CBQL cho biết, hình thức kiểm tra công tác tự bồi dưỡng có hiệu quả là kiểm tra qua dự giờ, thao giảng. Vì vậy, trong quản lý hoạt động BDGV cần tiếp tục kiểm tra, đánh giá việc tự bồi dưỡng của GV qua kiểm tra các sản phẩm hoạt động sư phạm của GV cũng như kết quả của GV tham gia các hội thi do Phòng, Sở GD-ĐT tổ chức.

- Nội dung “*Đề ra các tiêu chuẩn đánh giá đội ngũ*” được CBQL, GV tự đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,14) và kết quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,12). Điều này phản ánh đúng thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá GVTH hiện nay tại huyện Krông Năng. Việc xây dựng thang đo, tiêu chuẩn đánh giá được các nhà

trường thực hiện theo hướng dẫn chung của Bộ, Sở, Phòng GD-ĐT. Hiệu trưởng chưa xây dựng tiêu chuẩn riêng cho đơn vị mình và do đó đánh giá GV sẽ không sát với tình hình thực tiễn của trường.

- Nội dung “*Kiểm tra, đánh giá các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động BDGV*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên với ĐTB = 3,09 và kết quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,11), đây là nội dung được đánh giá mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện có ĐTB thấp. Thực tế cho thấy, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ bồi dưỡng ở các lớp bồi dưỡng cấp Bộ, Sở, Phòng GD-ĐT thường được chuẩn bị chu đáo; còn các lớp bồi dưỡng tổ chức tại trường thường chuẩn bị chưa chu đáo, hiệu trưởng ít quan tâm nên thường có tình trạng “có sao dùng vậy” nên chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác bồi dưỡng.

- Nội dung “*Kiểm tra việc hiểu biết về Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện và kết quả thực hiện với ĐTB thấp nhất (ĐTB = 2,98 và 2,95). Điều này phản ánh đúng thực tế vì Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT ban hành mới được triển khai tại các lớp tập huấn do Bộ, Sở, Phòng GD-ĐT tổ chức và được triển khai tại hội nghị triển khai chương trình giáo dục phổ thông ở cấp trường. Các CBQL, tổ trưởng chuyên môn, GV cốt cán thì đã nắm cơ bản, còn đại bộ phận GV tuy đã được quán triệt, phổ biến nhưng vẫn chưa nắm chắc nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.

2.2.4. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động bồi dưỡng

Hiệu quả của việc bồi dưỡng phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện hỗ trợ hoạt động bồi dưỡng. Kết quả khảo sát về thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ cho công tác bồi dưỡng GVTH tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk được trình bày qua *bảng 4*:

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về các điều kiện hỗ trợ hoạt động bồi dưỡng GVTH

TT	Các điều kiện hỗ trợ công tác BDGV	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Huy động các nguồn để hỗ trợ kinh phí cho hoạt động BDGV	2,98	5	3,00	4
2	Có chế độ, chính sách hợp lý cho GV thực hiện theo kế hoạch bồi dưỡng và tự bồi dưỡng	3,02	4	3,04	3
3	Cung cấp tài liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác BDGV	3,13	1	3,08	2
4	Sắp xếp thời gian, địa điểm phù hợp cho hoạt động BDGV	3,08	3	3,14	1
5	Quản lý việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị phục vụ cho công tác BDGV	3,11	2	3,08	2

Số liệu *bảng 4* cho thấy:

- Hầu hết các CBQL, GV đều đánh giá mức độ thực hiện các nội dung về điều kiện hỗ trợ công tác bồi dưỡng ở mức thực hiện thường xuyên và kết quả thực hiện đều đạt ở mức khá, tuy nhiên ở mỗi nội dung, ĐTB đạt được cũng chưa cao. Điều này phản ánh đúng thực tế các điều kiện hỗ trợ công tác bồi dưỡng mới chỉ đảm bảo yêu cầu tối thiểu của hoạt động bồi dưỡng.

- Nội dung “*Cung cấp tài liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác BDGV*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,13) và kết quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,08). Nội dung “*Quản lý việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị phục vụ cho công tác BDGV*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,11) và kết quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,08). Nguồn kinh phí để mua sắm tài liệu, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác BDGV còn ít, chủ yếu từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được giao từ đầu năm cho các đơn vị trường. Hiệu trưởng các trường đã mua sắm các trang thiết bị cơ bản đảm bảo cho hoạt động BDGV tại trường. Trong thời gian tới, cần tiếp tục có biện pháp để thực hiện tốt hơn nữa các nội dung này.

- Nội dung “*Sắp xếp thời gian, địa điểm phù hợp cho hoạt động BDGV*” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 3,08) và kết quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,14). Điều này cho thấy, việc bố trí thời gian, lựa chọn địa điểm tổ chức các lớp bồi dưỡng trong thời gian qua là phù hợp.

- Nội dung “*Có chế độ, chính sách hợp lý cho GV thực hiện theo kế hoạch bồi dưỡng và tự bồi dưỡng*” được đánh giá thường xuyên (ĐTB = 3,02) và kết quả thực hiện đạt khá (ĐTB = 3,04). Từ thực tế này, trong thời gian tới, các cấp quản lý giáo dục ở địa phương cần có những cơ chế, chính sách tốt hơn hỗ trợ GV tham gia hoạt động bồi dưỡng.

- Nội dung được CBQL, GV đánh giá về mức độ thực hiện cũng như kết quả hiện đạt thấp nhất là “*Huy động các nguồn để hỗ trợ kinh phí cho hoạt động BDGV*” với ĐTB về mức độ thực hiện đạt 2,98 và ĐTB về hiệu quả

thực hiện đạt 3,00. Điều này phản ánh đúng thực tế kinh phí tổ chức BDGV chủ yếu từ nguồn chi thường xuyên, ngoài ra, nhà trường không huy động được các khoản khác để hỗ trợ công tác bồi dưỡng, một phần kinh phí do chính GV tự bỏ ra để tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học.

Kết quả đánh giá trên cho thấy, mặc dù việc quản lý các điều kiện hỗ trợ công tác bồi dưỡng GVTH được thực hiện với mức độ khá tốt, tuy nhiên, các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị mới chỉ đáp ứng yêu cầu tối thiểu, kinh phí và các chế độ chính sách dành cho công tác bồi dưỡng chưa được cấp đầy đủ và chưa được quan tâm nhiều của lãnh đạo chính quyền địa phương. Chính vì vậy, để đáp ứng yêu cầu của công tác BDGV trong tình hình mới, hiệu trưởng cần tích cực tham mưu đề lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện thực hiện cơ chế, chính sách BDGV, cấp bổ sung kinh phí để mua sắm các thiết bị công nghệ phục vụ việc bồi dưỡng, nhất là bản quyền các phần mềm bồi dưỡng, thiết bị công nghệ thông tin, các thiết bị hỗ trợ bồi dưỡng trực tuyến, hỗ trợ kinh phí cho GV tự học, tự bồi dưỡng.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát về thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng GVTH tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk cho thấy nhận thức của một bộ phận CBQL, GV về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác BDGV chưa cao, thể hiện ở việc chỉ đạo công tác BDGV ở một số trường chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ; việc sử dụng các điều kiện hỗ trợ cho công tác bồi dưỡng đã được các cấp quản lý và hiệu trưởng quan tâm nhưng chưa đúng mức; các nhà trường chưa chủ động xây dựng kế hoạch BDGV mà còn phụ thuộc rất nhiều vào kế hoạch chỉ đạo hằng năm của Phòng GD-ĐT.

Trong đội ngũ GVTH, số lượng GV có trình độ đào tạo thấp như 12 + 1, 9 + 1, các hệ đào tạo “cắm bản” chiếm tỉ lệ cao (21,9 %) nên năng lực dạy học có nhiều hạn chế, đa số GV hiện nay có tuổi đời cao nên thường có sức òi lớn, ngại đổi mới, chậm tiếp cận với công nghệ thông tin, ngoại ngữ, việc tiếp cận và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực cũng chưa linh hoạt. Năng lực dạy học, chuyên môn nghiệp vụ của một số GV còn chưa tương xứng với bằng cấp và trình độ đào tạo, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới; việc tiếp cận mục tiêu, nội dung Chương trình giáo dục phổ thông mới còn rời rạc, chưa thấy được sự cần thiết phải đổi mới giáo dục.

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT ở nước ta vừa là thời cơ để GV tự bồi dưỡng, vừa đặt ra những thách thức không nhỏ cho đội ngũ CBQL, GV các nhà trường. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng GVTH theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông ở huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2004). *Chỉ thị số 40/2004/CT-TW ngày 15/6/2004 về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*.
- Beck, C., & Kosnik, C. (2006). *Innovations in teacher education - A social constructivist approach*. New York: State University of New York Press.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Kế hoạch số 270/KH-BGDĐT ngày 02/5/2018 về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Lê Thanh Diệu Ái (2016). *Về quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiểu học ở Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 11, tr 16-18.
- Nguyễn Quang Nhữ (2014). *Một số vấn đề quan trọng về bồi dưỡng giáo viên tiểu học*. Tạp chí Giáo dục, số 344, tr 33-35.
- Nguyễn Thám, Nguyễn Thị Kim Thoa (2016). *Đào tạo giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, tr 276-287. NXB Đại học Huế.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục (sửa đổi)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 phê duyệt đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”*.